TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chính

Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Hồng Như, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Mỹ Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp hụi".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim E, sinh năm 1965, có mặt

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1987, vắng mặt

- Ông Phùng Thanh T (chồng bà M), sinh năm 1983, vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958, vắng mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Kim E trình bày:

Bà có làm chủ hụi, bà M, ông T tham gia góp hụi. Cụ thể như sau:

- Ngày 24/3/2020 (âm lịch), loại hụi 01 triệu đồng, gồm 35 chân, bà M, ông T tham gia 03 chân, tên trong giấy hụi số 21, 22. Hụi mở ngày 24 đến ngày 02 tháng sau mới giao tiền hụi cho người hốt (danh sách 1).

+ Chân 1: Bị đơn hốt kỳ thứ 3 với số tiền 34 triệu đồng, có biên nhận ngày 02/5/2020 (biên nhận 1).

+ Chân 2: Bị đơn hốt kỳ thứ 4, không nhớ số tiền hốt hụi, có biên nhận nhưng bà đã làm mất.

+ Chân 3: Bị đơn hốt ngày 24/01/2022 (kỳ thứ 20), bà Nguyễn Thị X (là mẹ ông T) lấy tiền hụi dùm, số tiền 34 triệu đồng (biên nhận 4).

Bị đơn đóng hụi chết 01 tháng 01 chân là 01 triệu đồng, đóng đến kỳ hụi thứ 23 thì không đóng nữa, còn lại 12 lần chưa đóng với số tiền của 03 chân hụi là 36 triệu đồng.

- Ngày 09/6/2020 (âm lịch), loại hụi 500.000 đồng, gồm 30 chân, bà M, ông T tham gia 01 chân, tên trong giấy hụi số 30. Bị đơn hốt kỳ thứ 5 với số tiền 14.500.000 đồng, có biên nhận ngày 15/10/2020 (danh sách 2, biên nhận 2).

Bị đơn đóng hụi chết 01 tháng 01 chân là 500.000 đồng, đóng đến kỳ hụi thứ 21 thì không đóng nữa, còn lại 09 lần chưa đóng với số tiền 4.500.000 đồng.

- Ngày 16/12/2020 (âm lịch), loại hụi 02 triệu đồng, gồm 37 chân, bà M, ông T tham gia 01 chân, tên trong giấy hụi số 23. Bị đơn hốt kỳ thứ 7 với số tiền 72 triệu đồng, có biên nhận ngày 26/8/2021 (danh sách 3, biên nhận 3).

Bị đơn đóng hụi chết 01 tháng 01 chân là 02 triệu đồng, đóng đến kỳ hụi thứ 13 thì không đóng nữa, còn lại 24 lần chưa đóng với số tiền 48 triệu đồng.

- Ngày 16/12/2020 (âm lịch), loại hụi 500.000 đồng, gồm 29 chân, bà M, ông T tham gia 02 chân, tên trong giấy hụi số 09. Bị đơn hốt kỳ thứ 13 và một lần nữa nhưng không nhớ rõ, số tiền hốt bao nhiêu bà không nhớ rõ, không có làm biên nhận (danh sách 4).

Bị đơn đóng hụi chết 01 tháng 01 chân là 500.000 đồng, đóng đến kỳ hụi thứ 13 thì không đóng nữa, còn lại 16 lần chưa đóng với số tiền của 02 chân hụi là 16 triệu đồng.

Tổng cộng, bị đơn nợ hụi 104.500.000 đồng. Bị đơn đã trả được 20 triệu đồng. Còn lại 84.500.000 đồng chưa trả.

Nay bà E yêu cầu bà M, ông T trả cho bà tiền hụi còn nợ là 84.500.000 đồng. Không yêu cầu bà X trả và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà E xác định tại thời điểm mở hụi năm 2020, bà và chồng là ông Nguyễn Minh Chủ đã ly hôn. Nên các dây hụi này không có liên quan đến ông Chủ.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2023 và ngày 22/6/2023, bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông T. Việc ông T, bà M nợ hụi của bà E không có liên quan đến bà. Bà có biết việc bà M, ông T nợ tiền hụi của bà E khoảng 100 triệu đồng. Khi bà E đến đòi tiền hụi thì bà có trả dùm ông T, bà M 20 triệu đồng. Đây là tiền của bà nhưng bà không yêu cầu bà M, ông T trả lại cho bà trong vụ án này.

Đối với biên nhận ngày 02/02/2022 do bà E cung cấp đúng là chữ ký tên của bà. Tuy nhiên, bà nhận tiền hụi dùm cho ông T, bà M. Trước thời điểm đó, bà đã hốt hết 02 chân hụi của bà (trong đó có 01 chân bà hốt hụi xong thì đưa tiền cho bà M, ông T mượn). Ông T, bà M tham gia 03 chân, đã hốt 02 chân, còn lại 01 chân nên bà yêu cầu bà E cho ông T, bà M hốt hụi và bà nhận tiền thay. Do chân hụi này là của bà M, ông T nên nghĩa vụ đóng hụi chết là của ông T, bà M.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc My, ông T thanh toán cho bà E 84.500.000 đồng tiền hụi còn nợ. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà M, ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Kim E khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Phùng Thanh T thanh toán tiền nợ hụi nên đây là tranh chấp hụi. Bà M, ông T có địa chỉ tại ấp S, xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà E thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà M, ông T, bà X được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện vào ngày 24/3/2020 (âm lịch), ngày 09/6/2020 (âm lịch) và 16/12/2020 (âm lịch), bà M, ông T có tham gia góp hụi do bà E làm chủ hụi (có danh sách hụi có xác nhận của Trưởng ban nhân

dân ấp). Do đó, xác định việc bà M, ông T có tham gia góp hụi với bà E là có thật và hợp pháp.

[4] Tại 04 biên nhận ngày 02/5/2020, ngày 15/10/2020, ngày 26/8/2021 và ngày 02/02/2022 thể hiện bà M, ông T nhận tiền hụi và có nghĩa vụ đóng hụi chết cho đến khi mãn hụi (trong đó có biên nhận ngày 02/02/2022 bà X và bà E đều cho rằng bà X nhận tiền hụi thay cho bà M, ông T). Đối với 01 chân hụi loại 01 triệu đồng mở ngày 24/3/2020 và 01 chân hụi loại 500.000 đồng mở ngày 16/12/2020 mặc dù bà E không cung cấp được biên nhận bà M ông T hốt hụi nhưng có người làm chứng là bà Trần Thị Tr (là người cùng chơi hụi) xác định có biết việc bà M, ông T đã hốt 02 chân hụi này. Ngoài ra, bà Tr xác định việc bà M, ông T còn nợ tiền hụi chết của bà E thì những người tham gia góp hụi chung đều biết. Bà X là mẹ ông T cũng xác định có biết việc bà M, ông T nợ tiền hụi của bà E và bà có trả nợ thay 20 triệu đồng. Mặc khác, bà M, ông T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà E. Việc bà M, ông T không đóng tiền hụi chết còn lại cho bà E là vi phạm thỏa thuận góp hụi và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Em. Bà E đã bỏ tiền ra để đóng hụi thay cho bà M, ông T. Do đó, cần buộc bà M, ông T thanh toán cho bà E số tiền hụi là 84.500.000 đồng. Bà E không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đối với số tiền 20 triệu đồng bà X cho rằng trả tiền hụi thay cho bà M, ông T và số tiền 34 triệu đồng bà X nhận tiền hụi thay cho bà M, ông T, do bà M, ông T, bà X không ai yêu cầu giải quyết tại vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì bà M, ông T, bà X có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án: Bà M, ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

[7] Tại phiên tòa, bà E có mặt nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Bà M, ông T, bà X vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim E về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Phùng Thanh T thanh toán tiền nợ hụi. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Phùng Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Kim E số tiền hụi còn nợ là 84.500.000 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bà E có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bà M, ông T chậm thanh toán khoản tiền nói trên thì bà M, ông T còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà M, ông T phải chịu 4.225.000 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bà E được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí 2.238.000 đồng (Hai triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003142 ngày 14/11/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

4. Bà E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M, ông T, bà X vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bảo Trâm